TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/DS-ST
Ngày: 09 – 11 – 2018
V/v tranh chấp " Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.

2. Bà Bùi Thị Hồng Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng M, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phùng M trình bày như sau:

Bà Phùng M là chủ hụi, trong các hụi viên tham gia góp hụi có bà Nguyễn Thị Tài L tham gia các dây hụi do bà làm chủ như sau:

1/ Dây hụi thứ nhất: Loại hụi (05 ngày khui một lần), số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), khui ngày 29/7/2016 âm lịch, có 29 người tham gia gồm 65 chân, bà L tham gia 01 chân và đã hốt hụi vào kỳ thứ 15. Sau đó bà L đóng hụi được tất cả 45 lần. Còn nợ lại 20 lần chưa đóng tiền hụi chết với số tiền là: 500.000đ/chân x 01 chân x 20 lần = 10.000.000đ. Ngày mãn dây hụi này là ngày: 21/7/2017.

2/ Dây hụi thứ hai: Loại hụi ngày, số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), khui ngày 10/5/2017 âm lịch, có 30 người tham gia gồm 100 chân, bà L tham gia 02 chân và đã hốt. Sau đó bà L đóng hụi được 12 lần. Còn nợ lại 88 lần chưa đóng tiền hụi chết, với số tiền là: 50.000đ/chân x 02 chân x 88 lần = 8.800.000đ. Dây hụi này đã mãn.

Trong năm 2016, bà L có hỏi mượn bà M số tiền 11.000.000đ để cho chồng bà L cho bạn ghe mượn tới khi chia tiền bạn ghe sẽ trả lại nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà M.

Bà M có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp C giải quyết, bà L hứa trả cho bà M tổng cộng các khoản là 28.500.000đ (Bà L đã trả được 1.300.000đ). Nhưng sau đó bà L chỉ trả thêm được 1.500.000đ nữa rồi ngưng.

Nay bà Phùng M yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tài L trả cho bà M các khoản gồm: 10.000.000đ (dây hụi thứ 1) + 8.800.000đ (dây hụi thứ 2) + 11.000.000đ (tiền mượn) – 2.800.000đ (đã trả) = 27.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Tài L không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 60/TB-TLVA ngày 18 tháng 7 năm 2018, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn, không tiến hành hòa giải được và bà L cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Tài L mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

Bà Nguyễn Thị Tài L có tham gia góp hụi do bà Phùng M làm chủ, gồm hai dây hụi, loại hụi (05 ngày khui một lần) và hụi ngày. Sau khi hốt hụi bà L chỉ đóng một phần hụi chết còn lại chưa đóng và có nợ cụ thể như sau: Loại hụi (05 ngày khui một lần) còn nợ lại 20 kỳ chưa đóng với số tiền 10.000.000đ và hụi ngày còn nợ 88 kỳ chưa đóng với số tiền 8.800.000đ. Ngoài ra bà L còn có mượn bà M số tiền 11.000.000đ. Tổng các khoản nợ là 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng). Tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2017 của Ban nhân dân ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S bà L thừa nhận có nợ bà M số tiền 29.800.000đ nhưng đã trả trước đó 1.300.000đ. Chỉ còn nợ lại 28.500.000đ và xin trả dần mỗi tháng 1.500.000đ. Sau đó bà L trả thêm cho bà M 1.500.000đ rồi ngưng đến nay. Như vậy bà L hiện còn nợ bà M số tiền là 27.000.000đ.

Xét về hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản giữa bà M với bà L là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức và số tiền nợ hai bên đã thừa nhận nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản giữa bà M với bà L là có thật và hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi và người cho vay được quy định tại Điều 15 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 465 của Bộ luật dân sự. Ngược lại bà L sau khi hốt hụi và vay tiền đã không thực hiện đúng theo những thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận như vậy bà L là người vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 20 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà M yêu cầu Tòa án buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Do bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định cho bà L và phía bà L không phản đối những tài liệu, chứng cứ do

nguyên đơn bà M đưa ra do đó bà M không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 465; Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 15 và Điều 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng M.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tài L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phùng M số tiền nợ hụi và vay mượn tổng cộng 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phùng M cho đến khi thi hành án xong mà bà Nguyễn Thị Tài L chậm trả tiền thì bà L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tài L phải nộp 1.350.000đ (Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Phùng M không phải chịu án phí. Bà M được nhận lại 707.500đ (Bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002721 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Báo cho bà M biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà L được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng